



hé fǎ huà

合法化

noun · legalization

Example Sentences

Zhè gè guó jiā zhèng zài tāo lùn dǔ bó de hé fǎ huà wèn tí.
这个国家 正 在讨论赌博的合法化 问题。

This country is discussing the legalization of gambling.

Hé fǎ huà xū yào jīng guò yán gé de lì fǎ chéng xù.
合法化 需要 经过 严格的立法 程序。

Legalization requires a strict legislative process.

Trace each character, then write the word on your own.

合	合	合	合	合	合	合	合	合		
法	法	法	法	法	法	法	法	法	法	法
化	化	化	化	化	化	化				